

Số: 10 /TB-HĐTD

Hải Hậu, ngày 07 tháng 11 năm 2018

THÔNG BÁO

**Kết quả điểm xét tuyển và dự kiến những người trúng tuyển
giáo viên mầm non hợp đồng ngoài biên chế
tại các trường mầm non công lập thuộc UBND huyện Hải Hậu năm 2018**

Căn cứ Hướng dẫn số 629/HD-SNV ngày 20/6/2014 của Sở Nội vụ tỉnh Nam Định hướng dẫn một số nội dung về tuyển dụng giáo viên mầm non hợp đồng ngoài biên chế trong các trường mầm non công lập thuộc UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Thông báo số 333/TB-UBND ngày 14/9/2018 của UBND huyện Hải Hậu về việc tuyển dụng giáo viên mầm non hợp đồng ngoài biên chế tại các trường mầm non thuộc UBND huyện Hải Hậu năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 5137/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện Hải Hậu về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng giáo viên mầm non hợp đồng ngoài biên chế tại các trường mầm non thuộc UBND huyện Hải Hậu năm 2018;

Căn cứ Báo cáo kết quả điểm kiểm tra, sát hạch của Ban Kiểm tra, sát hạch và tổng điểm xét tuyển của người dự tuyển, thứ tự ưu tiên về trường đào tạo, chuyên ngành đào tạo; Hội đồng tuyển dụng giáo viên mầm non hợp đồng ngoài biên chế tại các trường mầm non công lập huyện Hải Hậu thông báo kết quả điểm xét tuyển và dự kiến những người trúng tuyển giáo viên mầm non hợp đồng tại các trường mầm non thuộc UBND huyện Hải Hậu năm 2018.

(Có danh sách trích ngang kèm theo)

Thông báo này được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của UBND huyện (haihau.namdinh.gov.vn) đồng thời niêm yết công khai tại Phòng Giáo dục và Đào tạo, Phòng Nội vụ huyện.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc (từ ngày 08/11/2018 đến hết ngày 21/11/2018), người dự tuyển có quyền gửi đơn đề nghị phúc khảo kết quả xét tuyển đến Hội đồng tuyển dụng (qua bộ phận tiếp nhận hồ sơ tại Phòng Giáo dục và Đào tạo). Hội đồng tuyển dụng chỉ xem xét lại việc tính điểm học tập, điểm tốt nghiệp của người dự tuyển.

Sau ngày 21/11/2018, Hội đồng tuyển dụng không tiếp nhận và giải quyết các ý kiến của người dự tuyển. /

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Thành viên HĐTD;
- Các CQ, đơn vị có liên quan;
- Công TTĐT huyện;
- Lưu: HĐTD.

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
CHỦ TỊCH**



**PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC UBND HUYỆN
Vũ Ngọc Trường**

Hải Hậu, ngày 07 tháng 11 năm 2018

THÔNG BÁO KẾT QUẢ ĐIỂM XÉT TUYỂN VÀ DỰ KIẾN NHỮNG NGƯỜI TRÚNG TUYỂN

KỶ TUYỂN DỤNG GIÁO VIÊN MẦM NON HỢP ĐỒNG

NGOÀI BIÊN CHẾ TẠI CÁC TRƯỜNG MẦM NON CÔNG LẬP THUỘC UBND HUYỆN HẢI HẬU NĂM 2018

(Kèm theo Thông báo số 10/TB-HĐTD ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Hội đồng tuyển dụng giáo viên mầm non năm 2018)

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ	Hộ khẩu thường trú	Trường đào tạo	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Chứng chỉ Tin học	Chứng chỉ Ngoại ngữ	Điểm tương đương ưu tiên	Điểm xét tuyển				Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú
													Điểm trung bình học tập (*10)	Điểm trung bình tốt nghiệp (*10)	Điểm thực hành (*2)	Tổng điểm		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
A	Giáo viên Mầm non trình độ Đại học																	
1	Trần Ngọc Anh	26/9/1991	x	TT Thịnh Long	ĐHSP Hà Nội 2	ĐH	Giáo dục mầm non	2013	Giỏi	B	Tiếng Anh C		8,39	10,00	90,17	364,24	X	
2	Lại Thị Ánh	02/4/1995	x	Hải Anh	ĐHSP Hà Nội	ĐH	Giáo dục mầm non	2017	Xuất sắc	ƯDCB	TOEFL ITP		8,45	8,45	86,00	341,00	X	
3	Nguyễn Thị Cúc	03/6/1994	x	Hải Trung	ĐHSP Hà Nội	ĐH	Giáo dục mầm non	2016	Giỏi	ƯDCB	TOEFL ITP		8,07	8,07	85,00	331,40	X	
4	Nguyễn Thị Dung	04/9/1995	x	Hải Châu	ĐHSP Hà Nội 2	ĐH	Giáo dục mầm non	2017	Khá	IC3	Tiếng Anh A2		7,70	7,70	89,00	332,00	X	
5	Trần Thị Ngọc Hân	29/4/1996	x	Hải Anh	ĐHSP Hà Nội 2	ĐH	Giáo dục mầm non	2018	Giỏi	ƯDCB	Tiếng Anh A2		8,02	8,02	86,00	332,40	X	
6	Lã Thị Hạnh	22/10/1993	x	Hải Hà	ĐH Tây Bắc	ĐH	Giáo dục mầm non	2015	Khá	B	Tiếng Anh B		7,88	7,88	73,00	303,60		
7	Mai Thị Thu Huyền	14/4/1996	x	Hải Sơn	ĐHSP Hà Nội 2	ĐH	Giáo dục mầm non	2018	Giỏi	ƯDCB	Tiếng Anh A2		7,80	7,80	81,83	319,66	X	
8	Trần Thị Thu	20/8/1995	x	Hải Hòa	ĐHSP Hà Nội 2	ĐH	Giáo dục mầm non	2017	Khá	ƯDCB	TOEFL ITP		7,54	7,54	71,17	293,14	X	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ	Hộ khẩu thường trú	Trường đào tạo	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Chứng chỉ Tin học	Chứng chỉ Ngoại ngữ	Điểm tương đương ưu tiên	Điểm xét tuyển				Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú
													Điểm trung bình học tập (*10)	Điểm trung bình tốt nghiệp (*10)	Điểm thực hành (*2)	Tổng điểm		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
9	Trần Thị Trang	09/6/1996	x	TT Cồn	ĐHSP Hà Nội 2	ĐH	Giáo dục mầm non	2018	Giỏi	ƯDCB	Tiếng Anh A2		8,32	8,32	86,00	338,40	X	
10	Đào Thị Hồng Vân	20/10/1995	x	Hải Trung	ĐHSP Hà Nội 2	ĐH	Giáo dục mầm non	2017	Khá	ƯDCB	TOEFL ITP		7,33	7,33	71,17	288,94		
B	Giáo viên Mầm non trình độ Cao đẳng																	
1	Phạm Thị Ngọc Diệp	03/7/1996	x	Hải Quang	CDSP Trung ương	CD	Giáo dục mầm non	2017	Khá	B	Tiếng Anh B		7,40	8,00		154,00		Bò KTSH
2	Vũ Thị Diệp	06/9/1996	x	Hải Sơn	CDSP Trung ương	CD	Giáo dục mầm non	2017	TB khá	ƯDCB	Tiếng Anh A2		6,78	8,00	72,67	293,14	X	
3	Nguyễn Thị Dung	10/4/1997	x	Hải Phú	ĐHSP Hà Nội	CD	Giáo dục mầm non	2018	Khá	ƯDCB	Tiếng Anh B		7,59	7,59	64,50	280,80		
4	Nguyễn Thị Thu Hằng	12/7/1996	x	TT Thịnh Long	CDSP Nam Định	CD	Giáo dục mầm non	2017	Khá	ƯDCB	Tiếng Anh A2		7,57	7,57	64,50	280,40		
5	Phạm Thị Thanh Hiền	12/11/1997	x	Hải Trung	CDSP Nam Định	CD	Giáo dục mầm non	2018	Khá	ƯDCB	Tiếng Anh A2		7,71	7,71	70,00	294,20	X	
6	Nguyễn Thị Hoàn	04/02/1996	x	Hải Lý	CDSP Nam Định	CD	Giáo dục mầm non	2017	Khá	ƯDCB	Tiếng Anh A2		7,32	7,32	73,33	293,06		
7	Phạm Thị Huệ	06/02/1997	x	Hải Anh	CDSP Trung ương	CD	Giáo dục mầm non - SP Mỹ thuật	2018	Khá	ƯDCB	TOEFL ITP		7,23	7,23	77,50	299,50		
8	Mai Thị Thu Huyền	20/12/1997	x	Hải Vân	CDSP Trung ương	CD	Giáo dục mầm non	2018	Khá	ƯDCB	TOEFL ITP		6,725	6,725	73,00	280,50		
9	Vũ Thị Huyền	26/3/1996	x	Hải Lý	CDSP Trung ương	CD	Giáo dục mầm non	2017	Khá	ƯDCB	Tiếng Anh A2		7,12	7,00	76,33	293,86	X	
10	Vũ Thị Thanh Huyền	28/01/1996	x	TT Thịnh Long	CDSP Trung ương	CD	Giáo dục mầm non	2017	Khá	ƯDCB	Tiếng Anh B		7,25	9,00	65,00	292,50		
11	Đặng Thị Hương	05/4/1996	x	Hải Hưng	CDSP Trung ương	CD	Giáo dục mầm non	2017	Khá	ƯDCB	Tiếng Anh B		7,32	8,00	71,00	295,20	X	
12	Bùi Thị Liên	11/02/1995	x	Hải Tây	CDSP Trung ương	CD	Giáo dục mầm non	2016	Khá	ƯDCB	Tiếng Anh A2		7,63	8,00	68,00	292,30		
13	Phạm Thị Linh	10/02/1993	x	Hải Tây	CDSP Trung ương	CD	Giáo dục mầm non	2015	Khá	ƯDCB	TOEFL ITP		7,48	7,50	69,00	287,80		

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ	Hộ khẩu thường trú	Trường đào tạo	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Chứng chỉ Tin học	Chứng chỉ Ngoại ngữ	Điểm tương đương ưu tiên	Điểm xét tuyển				Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú
													Điểm trung bình học tập (*10)	Điểm trung bình tốt nghiệp (*10)	Điểm thực hành (*2)	Tổng điểm		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
14	Trần Thị Thùy Linh	06/7/1996	x	Hải Hòa	CĐSP Trung ương	CĐ	Giáo dục mầm non	2017	Khá	ƯDCB	TOEFL ITP		7,84	8,50	69,17	301,74	X	
15	Nguyễn Thị Loan	18/11/1992	x	TT Thịnh Long	CĐSP Nam Định	CĐ	Giáo dục mầm non	2013	Khá	ƯDCB	Tiếng Anh A2		7,58	7,58	69,00	289,60		
16	Bùi Thị Mai	14/02/1996	x	Hải Bắc	CĐSP Trung ương	CĐ	Giáo dục mầm non	2017	Khá	ƯDCB	TOEFL ITP		7,73	9,50	90,33	352,96	X	
17	Trần Thị Mai	05/01/1997	x	Hải Lộc	CĐSP Trung ương	CĐ	Giáo dục mầm non - SP Mỹ thuật	2018	Trung bình	ƯDCB	Tiếng Anh C	Con TB 1/4	6,10	6,10	70,00	262,00		
18	Trần Thị Tuyết Mai	30/11/1995	x	Hải Trung	CĐSP Trung ương	CĐ	Giáo dục mầm non	2017	Khá	ƯDCB	Tiếng Anh A2		7,35	9,00	66,33	296,16	X	
19	Trần Thị Tuyết Mai	15/10/1997	x	Hải Phương	CĐSP Trung ương	CĐ	Giáo dục mầm non	2018	Khá	ƯDCB	TOEFL ITP		7,45	7,45	73,00	295,00	X	
20	Nguyễn Thị Mừng	16/8/1996	x	Hải Toàn	CĐ Hải Dương	CĐ	Sư phạm Giáo dục mầm non	2017	Khá	ƯDCB	Tiếng Anh A2		7,84	7,84	66,33	289,46		
21	Hoàng Thị Nga	15/01/1995	x	Hải Chính	CĐSP Trung ương	CĐ	Giáo dục mầm non	2016	Khá	ƯDCB	TOEFL ITP		7,49	8,50	70,00	299,90	X	
22	Lê Thị Nga	17/12/1996	x	Hải Long	CĐSP Trung ương	CĐ	Giáo dục mầm non	2017	Khá	ƯDCB	TOEFL ITP		7,28	8,50	70,33	298,46	X	
23	Nguyễn Thị Kim Ngân	14/3/1996	x	Hải Đường	CĐSP Trung ương	CĐ	Giáo dục mầm non	2017	Giỏi	ƯDCB	TOEFL ITP		7,99	8,50	83,00	330,90	X	
24	Trần Thị Ngoan	30/01/1995	x	Hải Châu	CĐSP Trung ương	CĐ	Giáo dục mầm non	2016	Khá	ƯDCB	TOEFL ITP		7,25	8,00	70,00	292,50		
25	Đồng Thị Nhãn	24/9/1997	x	Hải Anh	CĐSP Trung ương	CĐ	Giáo dục mầm non	2018	Khá	ƯDCB	TOEFL ITP		7,83	7,83	68,00	292,50		
26	Nguyễn Thị Hồng Nhiên	24/11/1996	x	Hải Anh	CĐSP Trung ương	CĐ	Giáo dục mầm non - SP Âm nhạc	2018	Khá	ƯDCB	TOEFL ITP		7,95	7,95	78,33	315,66		
27	Lê Thị Nhung	07/8/1984	x	Hải Tân	ĐHSP Hà Nội	CĐ	Giáo dục mầm non	2018	Giỏi	ƯDCB	TOEFL ITP		8,17	8,17	56,00	275,40		
28	Mai Thị Thu Phương	16/11/1994	x	Hải Đường	CĐ Hải Dương	CĐ	Sư phạm Giáo dục mầm non	2015	Khá	ƯDCB	TOEFL ITP		7,50	7,50		150,00		Bỏ KTSH
29	Nguyễn Thị Thu Phương	16/11/1995	x	Hải Ninh	ĐHSP Hà Nội	CĐ	Giáo dục mầm non	2018	Giỏi	ƯDCB	Tiếng Anh B		8,03	8,03	61,67	283,94		

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ	Hộ khẩu thường trú	Trường đào tạo	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Chứng chỉ Tin học	Chứng chỉ Ngoại ngữ	Điểm tương đương ưu tiên	Điểm xét tuyển				Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú
													Điểm trung bình học tập (*10)	Điểm trung bình tốt nghiệp (*10)	Điểm thực hành (*2)	Tổng điểm		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
30	Phạm Thị Hồng Phương	17/9/1986	x	Hải Hưng	ĐHSP Hà Nội	CD	Giáo dục mầm non	2018	Khá	B	Tiếng Anh A		8,04	8,04		160,80		Bỏ KTSH
31	Đinh Thị Phương	17/4/1997	x	Hải Tân	CDSP Trung ương	CD	Giáo dục mầm non	2018	Khá	ƯDCB	Tiếng Anh A2		6,75	6,75	79,33	293,66	X	
32	Đỗ Thị Phương	14/11/1994	x	TT Thịnh Long	CD Hải Dương	CD	Sư phạm Giáo dục mầm non	2015	Giỏi	ƯDCB	Tiếng Anh A2		8,30	8,30	71,00	308,00		
33	Mai Thị Phương	17/9/1994	x	Hải Hưng	CDSP Trung ương	CD	Giáo dục mầm non	2015	Khá	B	Tiếng Anh B		6,93	8,50	73,67	301,64	X	
34	Vũ Thị Quyên	13/3/1995	x	TT Côn	CDSP Trung ương	CD	Giáo dục mầm non	2016	Khá	ƯDCB	Tiếng Anh A2		7,01	8,00	70,67	291,44		
35	Hoàng Thị Sim	12/10/1997	x	Hải Sơn	CDSP Trung ương	CD	Giáo dục mầm non	2018	Khá	ƯDCB	Tiếng Anh B		7,55	7,55	82,17	315,34	X	
36	Phạm Thị Thêu	16/6/1993	x	Hải An	ĐHSP Hà Nội	CD	Giáo dục mầm non	2018	Khá	ƯDCB	TOEFL ITP		7,97	7,97	65,67	290,74		
37	Nguyễn Thị Thoan	12/12/1993	x	Hải Toàn	CDSP Trung ương	CD	Giáo dục mầm non	2014	TB Khá	ƯDCB	Tiếng Anh B		6,62	7,00	76,00	288,20		
38	Trần Thị Thủy	20/4/1995	x	Hải Phong	CDSP Trung ương	CD	Giáo dục mầm non - Giáo dục đặc biệt	2016	Khá	ƯDCB	Tiếng Anh B		6,95	8,50	72,00	298,50		
39	Trần Thị Thủy	18/12/1996	x	Hải Anh	CDSP Trung ương	CD	Giáo dục mầm non - SP Âm nhạc	2018	Khá	ƯDCB	TOEFL ITP		7,20	7,20	76,33	296,66		
40	Lương Thị Thủy	15/3/1995	x	Hải Vân	CDSP Trung ương	CD	Giáo dục mầm non	2016	Khá	ƯDCB	TOEFL ITP		7,38	8,50	84,83	328,46	X	
41	Trần Thị Thủy	22/7/1996	x	Hải Toàn	CDSP Trung ương	CD	Giáo dục mầm non	2017	Khá	ƯDCB	Tiếng Anh B		7,62	9,00	70,17	306,54	X	
42	Trần Thị Lệ Thủy	16/4/1995	x	Hải Đường	CDSP Trung ương	CD	Giáo dục mầm non	2016	Khá	ƯDCB	TOEFL ITP		7,52	8,00	68,67	292,54		
43	Vũ Thị Thanh Thủy	27/10/1995	x	Hải Phương	CDSP Trung ương	CD	Giáo dục mầm non	2016	Khá	ƯDCB	TOEFL ITP		7,21	8,50	70,00	297,10	X	
44	Dương Thị Trang	25/5/1996	x	Hải Ninh	CD Hải Dương	CD	Sư phạm Giáo dục mầm non	2017	Khá	ƯDCB	Tiếng Anh A2		7,89	7,89	69,50	296,80		
45	Nguyễn Thị Thanh Trang	16/02/1997	x	Hải Đường	CDSP Nam Định	CD	Giáo dục mầm non	2018	Khá	ƯDCB	TOEFL ITP		7,74	7,74	69,00	292,80		

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ	Hộ khẩu thường trú	Trường đào tạo	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Chứng chỉ Tin học	Chứng chỉ Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Điểm xét tuyển				Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú
													Điểm trung bình học tập (*10)	Điểm trung bình tốt nghiệp (*10)	Điểm thực hành (*2)	Tổng điểm		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
46	Nguyễn Thùy Trang	15/3/1990	x	TT Cồn	ĐHSP Hà Nội	CD	Giáo dục mầm non	2018	Giỏi	ƯDCB	TOEFL ITP		8,11	8,11	61,67	285,54		
47	Trần Thị Trang	23/01/1994	x	Hải Hòa	CĐSP Trung ương	CD	Giáo dục mầm non	2016	Khá	ƯDCB	TOEFL ITP		7,06	8,00	73,17	296,94	X	
48	Kim Thị Tươi	08/01/1996	x	Hải Sơn	CĐSP Nam Định	CD	Giáo dục mầm non	2017	Khá	ƯDCB	TOEFL ITP		7,17	7,17	74,00	291,40		
49	Phạm Thị Vân	29/10/1993	x	Hải Ninh	CĐSP Trung ương	CD	Giáo dục mầm non	2014	TB Khá	ƯDCB	Tiếng Anh B		6,76	7,50	73,33	289,26		
50	Vũ Thị Xuân	01/9/1997	x	Hải Anh	CĐSP Trung ương	CD	Giáo dục mầm non	2018	Khá	ƯDCB	TOEFL ITP		7,47	7,47	82,00	313,40	X	
51	Phạm Thị Yến	06/11/1996	x	Hải Long	CĐSP Trung ương	CD	Giáo dục mầm non	2017	TB khá	ƯDCB	Tiếng Anh C		6,69	7,00	78,67	294,24	X	
C	Giáo viên Mầm non trình độ Trung cấp																	
1	Đỗ Thị Bình	02/9/1992	x	Hải Phúc	TCSP Mẫu giáo Nhà trẻ Hà Nội	TC	Sư phạm Mầm non	2013	TB Khá	ƯDCB	Tiếng Anh B		6,80	6,80	78,00	292,00		
2	Nguyễn Thị Cúc	02/11/1995	x	Hải Hưng	CĐSP Trung ương	TC	Sư phạm Mầm non	2015	Khá	ƯDCB	Tiếng Anh B		7,20	8,00	75,33	302,66	X	
3	Nguyễn Thị Dịu	27/7/1995	x	Hải Phương	CĐSP Nam Định	TC	Sư phạm Mầm non	2015	Khá	B	Tiếng Anh B		7,20	8,50	56,83	270,66	X	
4	Phạm Thị Ánh Dịu	04/12/1995	x	Hải Anh	CĐSP Nam Định	TC	Sư phạm Mầm non	2015	Giỏi	ƯDCB	Tiếng Anh B		8,10	9,00	66,33	303,66	X	
5	Nguyễn Thị Doan	28/9/1992	x	Hải Đông	CĐSP Hà Nam	TC	Sư phạm Mầm non	2016	Giỏi	B	Tiếng Anh B		8,20	8,20		164,00		Bỏ KTSH
6	Nguyễn Thị Thu Hà	28/8/1997	x	Hải Phương	CĐSP Nam Định	TC	Sư phạm Mầm non	2017	Giỏi	ƯDCB	TOEFL ITP		7,70	8,20	64,67	288,34	X	
7	Phạm Thị Thu Hà	16/10/1995	x	Hải Đường	CD Hải Dương	TC	Sư phạm Giáo dục mầm non	2015	Khá	ƯDCB	TOEFL ITP		7,50	7,70		152,00		Bỏ KTSH
8	Nguyễn Thị Hật	28/12/1995	x	Hải Toàn	CĐSP Trung ương	TC	Sư phạm Mầm non	2015	Khá	ƯDCB	Tiếng Anh B		7,00	7,50	70,00	285,00	X	
9	Phan Thị Hằng	28/2/1996	x	Hải Trung	CĐSP Nam Định	TC	Sư phạm Mầm non	2016	Giỏi	ƯDCB	TOEFL ITP		8,20	8,80	70,83	311,66	X	

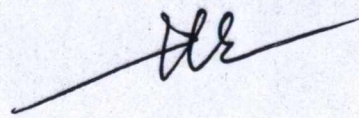
TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ	Hộ khẩu thường trú	Trường đào tạo	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Chứng chỉ Tin học	Chứng chỉ Ngoại ngữ	Đổi tượng ưu tiên	Điểm xét tuyển				Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú
													Điểm trung bình học tập (*10)	Điểm trung bình tốt nghiệp (*10)	Điểm thực hành (*2)	Tổng điểm		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
10	Mai Thị Hậu	06/02/1995	x	Hải Nam	CĐSP Nam Định	TC	Sư phạm Mầm non	2015	Khá	ƯDCB	Tiếng Anh B		7,00	7,80	72,00	292,00	X	
11	Nguyễn Thị Hiền	26/8/1995	x	Hải Đường	CĐSP Trung ương	TC	Sư phạm Mầm non	2016	Khá	ƯDCB	TOEFL ITP		7,20	7,00	68,50	279,00	X	
12	Trần Thị Hiền	20/11/1995	x	Hải Triều	CĐSP Hà Nam	TC	Sư phạm Mầm non	2015	Khá	ƯDCB	TOEFL ITP		7,80	7,80	70,83	297,66		
13	Đỗ Thị Thúy	27/12/1994	x	Hải Thanh	TC Tổng hợp HN	TC	Sư phạm Mầm non	2015	Giỏi	B	Tiếng Anh B		8,20	8,30	71,00	307,00		
14	Bùi Thị Hồng	09/03/1990	x	Hải Phúc	CĐSP Hà Nội	TC	Sư phạm Mầm non	2015	Giỏi	B	Tiếng Anh B		8,50	8,80	74,00	321,00	X	
15	Nguyễn Thị Huyền	06/9/1993	x	Hải Chính	CĐSP Hà Nam	TC	Sư phạm Mầm non	2013	Khá	ƯDCB	Tiếng Anh A2		7,20	7,90	71,00	293,00		
16	Phạm Thị Thanh	03/10/1985	x	Hải Anh	CĐSP Hà Nam	TC	Sư phạm Mầm non	2015	Giỏi	Cao đẳng	Tiếng Anh B		8,00	8,30	74,00	311,00	X	
17	Hoàng Thị Hương	24/4/1986	x	Hải Minh	CĐSP Hà Nam	TC	Sư phạm Mầm non	2015	Giỏi	B	Tiếng Anh B		7,80	8,20	74,67	309,34		
18	Vũ Thị Lan	14/4/1992	x	Hải Đường	CĐSP Hà Nam	TC	Sư phạm Mầm non	2016	Giỏi	B	Tiếng Anh B		8,10	8,30	65,00	294,00		
19	Nguyễn Thị Len	02/9/1989	x	Hải Nam	CĐSP Hà Nam	TC	Sư phạm Mầm non	2016	Giỏi	B	Cao đẳng Tiếng Anh		8,20	9,10	66,00	305,00		
20	Mai Thị Hồng	13/6/1996	x	Hải Hưng	CĐSP Trung ương	TC	Sư phạm Mầm non	2016	Khá	ƯDCB	Tiếng Anh B		7,30	7,80	73,00	297,00	X	
21	Nguyễn Thị Hoa	16/02/1996	x	Hải Toàn	CĐSP Nam Định	TC	Sư phạm Mầm non	2016	Khá	ƯDCB	TOEFL ITP		7,40	9,30	68,00	303,00	X	
22	Nguyễn Thị Nga	30/12/1993	X	Hải Châu	CĐSP Nam Định	TC	Sư phạm Mầm non	2017	Giỏi	ƯDCB	TOEFL ITP		8,10	8,50	71,67	309,34	X	
23	Phạm Thị Nga	24/8/1995	x	Hải Bắc	CĐSP Nam Định	TC	Sư phạm Mầm non	2015	Khá	ƯDCB	TOEFL ITP		7,20	8,30	72,00	299,00	X	
24	Phạm Thị Ngân	28/8/1997	x	Hải Đường	CĐSP Nam Định	TC	Sư phạm Mầm non	2017	Giỏi	ƯDCB	TOEFL ITP		7,80	8,20	71,00	302,00	X	
25	Nguyễn Thị Ngọc	19/8/1991	x	Hải Hà	CĐSP Hà Nam	TC	Sư phạm Mầm non	2015	Giỏi	ƯDCB	TOEFL ITP		7,60	8,40	60,33	280,66		

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ	Hộ khẩu thường trú	Trường đào tạo	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Chứng chỉ Tin học	Chứng chỉ Ngoại ngữ	Đổi tượng ưu tiên	Điểm xét tuyển				Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú
													Điểm trung bình học tập (*10)	Điểm trung bình tốt nghiệp (*10)	Điểm thực hành (*2)	Tổng điểm		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
26	Nguyễn Thị Bích Ngọc	28/12/1995	x	Hải Phú	CĐSP Trung ương	TC	Sư phạm Mầm non	2015	TB Khá	ƯDCB	TOEFL ITP		6,90	6,50	60,17	254,34	X	
27	Trần Thị Nguyệt	27/6/1986	x	Hải Châu	CĐSP Hà Nam	TC	Sư phạm Mầm non	2015	Khá	ƯDCB	TOEFL ITP		7,70	8,10	69,50	297,00		
28	Vũ Thị Nguyệt	20/9/1987	x	Hải Phúc	TCSPMN Thái Bình	TC	Sư phạm Mầm non	2008	TB Khá	ƯDCB	Tiếng Anh B		6,80	7,00	65,00	268,00		
29	Lại Thị Nhài	17/6/1990	x	Hải Trung	CĐSP Hà Nam	TC	Sư phạm Mầm non	2015	Khá	B	Tiếng Anh B		7,50	7,80	64,80	282,60		
30	Phạm Thị Oanh	02/6/1994	x	Hải Phong	CĐSP Nam Định	TC	Sư phạm Mầm non	2015	Khá	ƯDCB	TOEFL ITP		6,90	9,20	68,17	297,34	X	
31	Đỗ Thị Phương	14/4/1989	x	Hải Phú	CĐSP Hà Nam	TC	Sư phạm Mầm non	2016	Giỏi	ƯDCB	Tiếng Anh A2		8,30	8,50	70,00	308,00		
32	Bùi Thị Phương	04/8/1993	x	Hải An	CĐSP Nam Định	TC	Sư phạm Mầm non	2017	Giỏi	ƯDCB	TOEFL ITP		7,50	9,00	72,83	310,66	X	
33	Trần Thị Quỳnh	13/7/1990	x	Hải Phương	CĐSP Hà Nam	TC	Sư phạm Mầm non	2015	Giỏi	B	Tiếng Anh B		7,70	8,60	73,00	309,00		
34	Trần Thị Sen	20/10/1985	x	Hải Hà	CĐSP Hà Nam	TC	Sư phạm Mầm non	2015	Giỏi	ƯDCB	TOEFL ITP	Con NTB	8,00	8,20	72,50	307,00		
35	Trương Thị Sơn	20/8/1983	x	Hải Anh	CĐSP Hà Nam	TC	Sư phạm Mầm non	2015	Giỏi	ƯDCB	TOEFL ITP		8,00	8,20	70,83	303,66		
36	Phan Thị Tám	16/8/1990	x	Hải Lộc	CĐSP Nam Định	TC	Sư phạm Mầm non	2017	Giỏi	ƯDCB	Tiếng Anh B		8,50	9,30		178,00		Bỏ KTSH
37	Mai Thị Thắm	01/6/1989	x	Hải Phúc	CĐSP Hà Nam	TC	Sư phạm Mầm non	2014	Giỏi	ƯDCB	TOEFL ITP		7,60	8,30	66,50	292,00		
38	Mai Thị Thắm	13/4/1996	x	Hải Minh	CĐSP Nam Định	TC	Sư phạm Mầm non	2016	Giỏi	B	Tiếng Anh B		7,50	9,20	67,00	301,00	X	
39	Phạm Thị Thanh	15/6/1987	x	Hải Phong	CĐSP Hà Nam	TC	Sư phạm Mầm non	2015	Giỏi	ƯDCB	TOEFL ITP		7,80	8,60	74,50	313,00	X	
40	Trần Thị Thêu	26/10/1990	x	Hải Thanh	CĐSP Trung ương	TC	Giáo dục mầm non	2010	TB khá	ƯDCB	Tiếng Anh A2		7,00	5,70		127,00		Bỏ KTSH
41	Nguyễn Thị Tho	02/9/1990	x	Hải Hưng	CĐSP Hà Nam	TC	Sư phạm Mầm non	2016	Giỏi	B	Tiếng Anh A		8,30	8,80	77,00	325,00	X	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nữ	Hộ khẩu thường trú	Trường đào tạo	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Chứng chỉ Tin học	Chứng chỉ Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Điểm xét tuyển				Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú
													Điểm trung bình học tập (*10)	Điểm trung bình tốt nghiệp (*10)	Điểm thực hành (*2)	Tổng điểm		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
42	Nguyễn Thị Phương Thúy	18/9/1984	x	Hải Phương	CĐSP Hà Nam	TC	Sư phạm Mầm non	2016	Giỏi	B	Tiếng Anh B		8,00	8,40	78,33	320,66	X	
43	Phạm Thị Thúy	02/7/1989	x	Hải Tây	CĐSP Hà Nam	TC	Sư phạm Mầm non	2015	Giỏi	ƯDCB	Tiếng Anh A2		8,00	8,40	71,00	306,00		
44	Trần Thị Thúy	02/11/1993	x	Hải Nam	CĐSP Nam Định	TC	Sư phạm Mầm non	2013	Khá	ƯDCB	Tiếng Anh B		7,40	8,70	65,00	291,00	X	
45	Lâm Thị Thúy	07/7/1988	x	Hải Phúc	CĐSP Hà Nam	TC	Sư phạm Mầm non	2016	Giỏi	ƯDCB	Tiếng Anh B		8,00	8,10	73,00	307,00		
46	Lê Thị Thu	08/08/1995	x	Hải Hà	CĐSP Trung ương	TC	Sư phạm Mầm non	2015	Khá	ƯDCB	TOEFL ITP		7,30	7,30	68,67	283,34	X	
47	Bùi Thị Trang	12/11/1993	x	Hải Tây	CĐSP Hà Nam	TC	Sư phạm Mầm non	2015	Giỏi	ƯDCB	Tiếng Anh A2		8,00	8,00	75,00	310,00		
48	Phạm Thị Trang	02/5/1994	x	Hải Sơn	CĐSP Hà Nam	TC	Sư phạm Mầm non	2014	Khá	ƯDCB	TOEFL ITP		7,30	8,00	56,33	265,66		
49	Phạm Thị Tươi	04/11/1992	x	Hải Anh	CĐSP Nam Định	TC	Giáo dục mầm non	2012	Khá	ƯDCB	TOEFL ITP		6,90	8,20	71,00	293,00	X	

Tổng số người trong danh sách này là 110 (một trăm mười) người./.

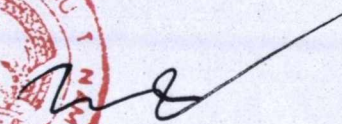
THƯ KÝ HĐTD



Lâm Thị Hương

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC UBND HUYỆN

Vũ Ngọc Trường